

CÔNG TY CP VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI
Số 189 Đình Vũ- Đông Hải 2- Hải An- Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số dư 31/03/2011	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33,468,991,228	23,202,771,186
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,906,887,481	716,749,337
1. Tiền	111	V.01	1,906,887,481	716,749,337
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
III. Các khoản phải thu	130		20,197,754,680	18,973,063,579
1. Phải thu khách hàng	131		5,504,656,388	4,668,244,160
2. Trả trước cho người bán	132		2,475,109,769	2,281,225,916
3. Các khoản phải thu khác	138	V.04	12,217,988,523	12,023,593,503
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	1,160,420,074
1. Hàng tồn kho	141	V.05	-	1,160,420,074
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11,364,349,067	2,352,538,196
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.06	-	137,544,954
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		11,364,349,067	2,214,993,242
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		134,293,941,273	108,109,478,888
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		12,077,078,450	12,420,601,489
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	12,077,078,450	12,420,601,489
- Nguyên giá	222		13,950,931,304	13,932,749,486
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1,873,852,854)	(1,512,147,997)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		122,095,120,074	95,546,120,074
1. Đầu tư vào công ty con	251		122,095,120,074	95,546,120,074
V. Tài sản dài hạn khác	260		121,742,749	142,757,325
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	121,742,749	142,757,325
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		167,762,932,501	131,312,250,074

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

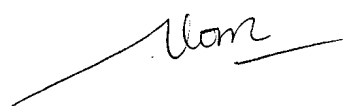
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số dư 31/03/2011	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		16,029,541,675	13,641,494,081
I. Nợ ngắn hạn	310		13,504,541,675	10,516,494,081
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	6,479,152,488	3,627,487,974
2. Phải trả người bán	312	V.11	3,728,032,997	3,387,287,827
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12	775,000,000	695,000,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	126,042,057	157,930,420
5. Phải trả công nhân viên	315		208,272,349	283,058,160
6. Chi phí phải trả	316		88,147,166	76,146,000
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14	1,918,820,317	2,239,443,936
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		181,074,301	50,139,764
II. Nợ dài hạn	330		2,525,000,000	3,125,000,000
1. Phải trả dài hạn khác	333		479,000,000	479,000,000
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	2,046,000,000	2,646,000,000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		151,733,390,826	117,670,755,993
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	151,733,390,826	117,670,755,993
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128,700,000,000	100,795,330,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9,615,359,500	2,727,192,000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		115,274,635	115,274,635
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		13,302,756,691	14,032,959,358
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		167,762,932,501	131,312,250,074

Kế toán trưởng

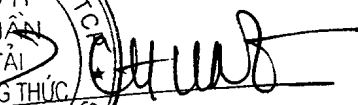


Nguyễn Thị Mai Hoa

Hải Phòng, ngày 05 tháng 04 năm 2011



Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc



Nguyễn Đình Chung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 31/03/2011

Đơn vị tính: VND

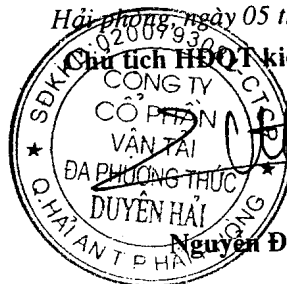
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	kỳ này	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17	9,157,655,726	30,852,969,817
2. Các khoản giảm trừ	03		-	-
+ Chiết khấu thương mại			-	-
+ Giảm giá hàng bán			-	-
+ Hàng bán bị trả lại			-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		9,157,655,726	30,852,969,817
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.18	7,761,001,554	23,256,258,467
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		1,396,654,172	7,596,711,350
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19	4,258,460,809	11,985,959,015
7. Chi phí tài chính	22	VI.20	315,658,666	1,078,491,594
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		315,657,092	315,657,092
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		935,126,118	4,442,198,578
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4,404,330,197	14,061,980,193
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4,404,330,197	14,061,980,193
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		94,766,364	663,944,148
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4,309,563,833	13,398,036,045

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mai Hoa

Hải Phòng, ngày 05 tháng 04 năm 2011

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc



Nguyễn Đình Chung

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

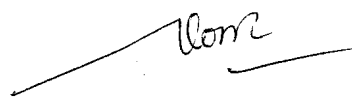
(Theo phương pháp trực tiếp)

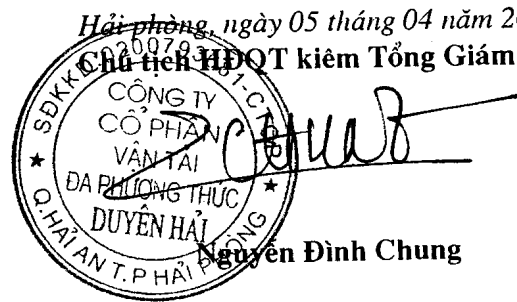
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 31/03/2011

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	MS	kỳ này	Năm trước
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	9,096,498,628	32,740,713,594
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(4,711,234,875)	(33,613,914,255)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(564,798,304)	(1,482,587,908)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(303,655,926)	(875,369,374)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(142,596,443)	(590,103,657)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	56,359,459,290	68,167,010,705
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(65,656,578,639)	(69,289,255,892)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(5,922,906,269)	(4,943,506,787)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(39,624,885)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(26,549,000,000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3,942,924,036	11,574,041,812
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(22,606,075,964)	11,534,416,927
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	34,880,837,500	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	936,177,627	2,505,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,102,066,000)	(10,926,429,608)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4,995,828,750)	(10,185,302,951)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	29,719,120,377	(18,606,732,559)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1,190,138,144	(12,015,822,419)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	716,749,337	12,732,571,756
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1,906,887,481	716,749,337

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Mai Hoa

Hải Phòng, ngày 05 tháng 04 năm 2011
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Nguyễn Đình Chung

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.**01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Đơn vị tính: đồng

	Số dư 31/03/2011	Số đầu năm
Tiền mặt	1,141,483,355	511,825,528
Tiền gửi ngân hàng	765,404,126	204,923,809
Cộng	1,906,887,481	716,749,337

04. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số dư 31/03/2011	Số đầu năm
Phải thu khác	12,217,988,523	12,023,593,503
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	-	1,500,000,000
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	-	1,300,000,000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú thọ	8,500,000,000	8,500,000,000
Công ty TNHH Container Minh Thành	3,112,536,838	200,000,000
Công ty TNHH MTV Vận tải đa PT Duyên Hải Hà Nội	416,630,000	356,630,000
Công ty CP Bảo hiểm Bưu điện - Chi nhánh Hải phòng	66,876,932	41,415,477
Công ty TNHH Shinwon Ebenezer Việt Nam	24,367,729	73,106,379
Công ty CP Bảo hiểm Quân Đội - Chi nhánh Hải phòng	-	2,420,000
Công ty CP phát triển Hàng Hải	12,899,700	12,226,500
Công ty liên doanh đại lý vận tải Evergreen Việt nam	-	460,000
Phải thu của CBCNV	84,677,324	37,335,147
Cộng	12,217,988,523	12,023,593,503

05. Hàng tồn kho

	Số dư 31/03/2011	Số đầu năm
Hàng tồn kho	-	1,160,420,074
Cộng	-	1,160,420,074

06. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số dư 31/03/2011	Số đầu năm
Thuế GTGT được khấu trừ	-	137,544,954
Cộng	-	137,544,954

07. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình <Phụ lục 01>**08. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Số dư 31/03/2011	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	-	-
Cộng	-	-

09. Chi phí trả trước dài hạn

	Số dư 31/03/2011	số đầu năm
--	------------------	------------

(Bản Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: Số 189 Đường Đình Vũ - Đông Hải - Hải An - Hải Phòng

Điện thoại: 0313 614018 Fax: 0313 614016

Thuyết minh BCTC

cho kỳ kế toán

kết thúc ngày 31/03/2011

Chi phí văn phòng	121,742,749	142,757,325
Cộng	121,742,749	142,757,325
10. Vay và nợ ngắn hạn	Số dư 31/03/2011	Số đầu năm
a. Vay ngắn hạn		
Ngân hàng	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương- CN Hải Phòng	936,177,627	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Hồng Bàng	3,065,974,861	648,421,974
Đối tượng khác	-	-
Phạm Thành Hiếu	1,000,000,000	1,000,000,000
Lưu Thị Khiên	257,000,000	257,000,000
Nguyễn Đức Hải	260,000,000	260,000,000
Đinh Ngọc Phương	500,000,000	500,000,000
Nguyễn Thị Kim Loan	100,000,000	100,000,000
Nguyễn Bích Thủy	340,000,000	340,000,000
Nguyễn Thị Bình		100,000,000
Nguyễn Thị Vân		100,000,000
Khúc Thị Thịnh		302,066,000
Lưu Thị Huế	20,000,000	20,000,000
Cộng	6,479,152,488	3,627,487,974
13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số dư 31/03/2011	Số đầu năm
Thuế TNDN	94,766,364	142,596,443
Thuế khác	31,275,693	15,333,977
Cộng	126,042,057	157,930,420
14. Các khoản phải trả phải nộp khác	Số dư 31/03/2011	Số đầu năm
Thu hộ trả hộ (Thuế TNCN & BHXH)		
Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải	6,820,909	8,351,168
Công ty TNHH SX & TM Duyên Hải	20,231,821	7,856,393
Công ty TNHH vận tải Duyên Hải	13,645,845	11,709,811
Phải trả phải nộp khác		
Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải	53,804,300	28,045,600
Công ty TNHH vận tải Duyên Hải	1,562,209,557	735,258,140
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ		5,471,391
Đặt cọc của Lái xe	53,697,828	79,904,398
Thuế TNCN 5% của Hoạt động đầu tư vốn	2,987,000	4,448,358
Công ty TNHH SX & TM Hòa Hưng	5,689,383	5,689,383
Ông Nguyễn Đức Hải	-	910,072,000
Phải trả phải nộp khác	47,179,198	
Doanh thu chưa thực hiện		
Cục Hải Quan Thành phố Hải Phòng	152,554,476	374,439,972

(Bản Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: Số 189 Đường Đình Vũ - Đông Hải - Hải An - Hải Phòng

Điện thoại: 0313 614018 Fax: 0313 614016

Thuyết minh BCTC

cho kỳ kế toán

kết thúc ngày 31/03/2011

Hàng Mỹ phẩm	-	68,197,322
Cộng	1,918,820,317	2,239,443,936
15. Vay và nợ dài hạn	Số dư 31/03/2011	Số đầu năm
Vay Ngân hàng đầu tư và phát triển- CN HP	2,046,000,000	2,646,000,000
Cộng	2,046,000,000	2,646,000,000

16. Nguồn vốn chủ sở hữu <Phụ lục số 02>**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Đơn vị tính: đồng

17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Kỳ này	Năm trước
Doanh thu		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9,157,655,726	30,852,969,817
Cộng	9,157,655,726	30,852,969,817
18. Giá vốn	Kỳ này	Năm trước
Giá vốn dịch vụ	7,761,001,554	23,256,258,467
Cộng	7,761,001,554	23,256,258,467
19. Doanh thu hoạt động tài chính	Kỳ này	Số đầu năm
Lãi tiền gửi ngân hàng	61,738,989	117,996,145
Lợi nhuận được chia	4,025,264,740	11,406,203,601
Chênh lệch tỷ giá	54,868,242	82,620,542
Lãi cho vay theo hợp đồng	116,588,838	379,138,727
Cộng	4,258,460,809	11,985,959,015
20. Chi phí hoạt động tài chính	Kỳ này	Số đầu năm
Chênh lệch tỷ giá	1,574	7,111,038
Chi phí lãi vay	315,657,092	1,071,380,556
Cộng	315,658,666	1,078,491,594
22. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động doanh nghiệp	Năm nay	
a. Bố trí cơ cấu tài sản:		
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản (%)	80.05%	
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản (%)	19.95%	
b. Tỷ suất sinh lợi:		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	47.06%	

(Bản Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%)	2.84%
--	-------

c. Tình hình tài chính:

- Tỷ lệ nợ phải trả / Tổng tài sản (%)	9.55%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn (%)	14.12%
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/ Tổng vốn chủ sở hữu)	7.96%

24. Thông tin so sánh:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2010 của đơn vị đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội.

25. Thông tin về tính hoạt động liên tục

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải khẳng định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

26. Thông tin về thuế

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ nên việc xác định sau cùng là tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

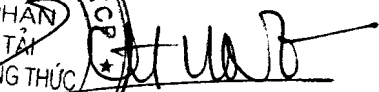
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Mai Hoa

Hải phòng, ngày 05 tháng 04 năm 2011

Giám đốc



 Nguyễn Đình Chung
